

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN NGỌC KIỀU

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỂU CẦN,
TỈNH TRÀ VINH

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được nghiên cứu tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 1 : **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 2 : **PGS.TS. LÊ QUỐC HỘI**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 7 năm
2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nước ta là nước có nhiều thiên tai, là một trong những nước chịu tác động lớn nhất về biến đổi khí hậu toàn cầu. Phần lớn nông dân Việt Nam trải qua hàng ngàn năm sống trong điều kiện tự cung tự cấp, sản xuất nhỏ và manh mún đang là lực cản kìm hãm sự phát triển nền nông nghiệp Việt Nam. Đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Trà Vinh là tỉnh có lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, trên 54% trong tổng số lao động, sản xuất nông nghiệp hiện nay vẫn chủ yếu là độc canh cây lúa, thuần nông, năng suất lao động thấp...đời sống nông dân nói chung còn nhiều khó khăn. Do đó tỉnh rất quan tâm công tác phát triển nông nghiệp và lấy nông nghiệp làm nền tảng để Trà Vinh thoát khỏi tình trạng chậm phát triển hiện nay và đến năm 2020 trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng.

Huyện Tiểu Cần nằm về phía Tây của tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm tỉnh lỵ 24 km theo Quốc lộ 60, huyện xác định nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng, nên đã tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Trong những năm qua huyện luôn chú trọng tới công tác phát triển nông nghiệp và đã đạt được những kết quả to lớn, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp còn yếu. Sự phát triển kinh tế nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương, chưa đáp ứng những yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Mối gắn kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân trong đầu tư sản xuất, giải quyết đầu ra sản phẩm còn hạn chế. Việc đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Việc chuyển đổi cơ cấu và đổi mới cách thức sản xuất còn chậm, thiếu tính đột phá, phổ biến vẫn là sản xuất với quy mô

nhỏ, phân tán. Năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng một số loại nông sản đạt thấp, nhiều mặt hàng nông, thủy sản chưa có tính cạnh tranh cao, chưa đứng vững trên thị trường.

Trong sản xuất nông nghiệp, trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn, trong khi ngành chăn nuôi và hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do vậy, để tiếp tục nâng cao vai trò và thúc đẩy phát triển nông nghiệp cần phải nghiên cứu các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn cao nhằm đưa nông nghiệp huyện Tiểu Cần phát triển là rất cần thiết. Từ đó việc tác giả chọn đề tài: Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh để làm luận văn là kịp thời đóng góp một phần những đòi hỏi của thực tế về phát triển nông nghiệp nông thôn huyện Tiểu Cần trong những năm tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp. Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp, đồng thời xác định rõ nguyên nhân của thực trạng trên địa bàn huyện Tiểu Cần trong thời gian qua. Đề xuất những phương hướng, giải pháp thực hiện nhằm đảm bảo phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nội dung nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu phát triển nông nghiệp (theo nghĩa hẹp chỉ gồm trồng trọt và chăn nuôi) của huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

+ Không gian: Đề tài nghiên cứu các nội dung tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

+ Thời gian: Các số liệu sử dụng để nguyên cứu được cập nhật trong giai đoạn (2008-2013).

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu; Phương pháp phân tích hệ thống; Phương pháp phân tích biểu đồ; Phương pháp tổng hợp; Phương pháp so sánh và các phương pháp khác.

5. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Nông nghiệp có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, nên trong quá trình phát triển kinh tế nước ta, vấn đề phát triển nông nghiệp luôn là mối quan tâm nguyên cứu của các nhà lý luận, kinh tế học, các nhà làm chính sách và các tổ chức phát triển. Trong thời gian qua đã có nhiều đề tài, bài viết về phát triển nông nghiệp.

- Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành trung ương khóa mười về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- PGS.TS. Bùi Bá Bồng (2004) trong bài viết “Một số vấn đề trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam hiện nay và những năm tới”.

- GS.TS. Võ Tòng Xuân (2009) bài viết “Nông dân và nông nghiệp Việt Nam nhìn từ sản xuất thị trường”.

- PGS. TS Nguyễn Sinh Cúc, Ths. Phạm Mai Ngọc (2013) bài viết “Sức sống về lý luận và thực tiễn của Nghị quyết 10, Bộ Chính trị Khóa VI trong 25 năm qua”.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thể hiện ở những điểm sau đây:

- Khái quát hóa cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp của Luận văn là một tài liệu tham khảo đáng tin cậy đối với những nhà nghiên cứu có cùng quan tâm;

- Các phân tích làm rõ những tiềm năng và những yếu tố chi phối sự phát triển nông nghiệp ở huyện Tiểu Cần, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp, và về nguyên nhân yếu kém trong phát triển nông nghiệp của Huyện là tài liệu phục vụ phân tích hữu ích đối với các bên hữu quan.

- Những giải pháp chủ yếu được đề xuất nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện là những gợi ý mang tính thực tiễn cao đối với các nhà quản lý nông nghiệp địa phương.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, mục lục, tài liệu tham khảo, luận văn chia làm 3 chương sau:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần.
- Chương 3: Giải pháp phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

a. Nông nghiệp: Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp là ngành sản xuất lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản.

b. Phát triển nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp là một tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trong nông nghiệp một cách hợp lý và từng bước nâng cao hiệu quả của sản xuất.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phức tạp, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên; Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi; Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ.

1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

a. Phát triển nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn đó là đóng góp về thị trường

b. Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định.

c. Phát triển nông nghiệp góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực

d. Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn:

Phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn có quan hệ hữu cơ với nhau và là điều kiện hỗ trợ cho nhau.

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

a. Số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp: như kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp.

b. Gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp: bằng cách phát triển hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi trở thành các cơ sở sản xuất như kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp với số lượng lớn để đáp ứng nhu cầu phát triển.

c. Các tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp:

Đa dạng cả về cơ cấu sản phẩm và loại hình tổ chức. Thúc đẩy hình thành, phát triển kinh tế nông trại, vùng sản xuất,... không chỉ lớn về qui mô mà còn về quản trị. Quy hoạch tạo vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Hình thành các hiệp hội các chủ nông trại qui mô lớn trong vùng.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý: Việc dịch chuyển cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc sử dụng lao động phù hợp để phát triển nền kinh tế nói chung và lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói riêng.

1.2.3. Gia tăng các yếu tố nguồn lực gồm: Nhóm các yếu tố nguồn lực liên quan đến phương tiện; Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Nhóm các yếu tố nguồn lực sinh học; Nhóm các yếu tố nguồn lực liên quan đến các phương tiện hoá học phục vụ nông nghiệp.

1.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng các hình thức liên kết tiến bộ

a. Hợp tác xã: Trong chiến lược phát triển nông nghiệp, không thể thiếu mô hình hợp tác xã để liên kết kinh tế hộ nông dân đi lên sản xuất hàng

hóa tập trung quy mô lớn, tạo sức cạnh tranh hàng hóa và chuỗi giá trị nông sản.

b. Phương pháp chuỗi giá trị: Trong chuỗi giá trị, các bên tham gia bao gồm những người cung cấp đầu vào cụ thể, người sản xuất, người thu gom, các công ty gia công, chế biến, các đại lý vận tải, người phân phối, tiêu thụ, và đại diện của các đơn vị hỗ trợ.

c. Sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP hay VietGAP: Xây dựng, áp dụng và chứng nhận quy trình nuôi trồng an toàn trong trang trại theo tiêu chuẩn GlobalGAP hay VietGAP. Đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu thương mại trong nước và quốc tế và các biện pháp thực tiễn để chống hàng giả, hàng nhái. Chứng nhận GlobalGAP được coi là cây cầu nối giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng.

d. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo hướng GAP- VietGAP: Mô hình được xem là xu thế tất yếu và là tương lai của nền nông nghiệp Việt Nam, đã góp phần quan trọng nâng cao giá trị gia tăng, khắc phục những tồn tại trong sản xuất nông nghiệp.

1.2.5. Nâng cao trình độ thâm canh trong sản xuất nông nghiệp:

Thâm canh trong nông nghiệp là đầu tư thêm vốn và lao động trên đơn vị diện tích nhằm thu nhiều sản phẩm trên đơn vị canh tác với chi phí thấp nhất. Thâm canh nông nghiệp được đặc trưng bằng một hệ thống các nhân tố và biện pháp:

a. Chỉ tiêu các nhân tố

b. Hệ thống chỉ tiêu kết quả

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp gồm:

a. Kết quả sản xuất nông nghiệp

b. Tích lũy và nâng cao đời sống người lao động

c. Cung cấp sản phẩm hàng hóa

d. Tăng quy mô sản xuất các doanh nghiệp nông nghiệp

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên: Sản xuất nông nghiệp gắn bó chặt chẽ và sự chịu tác động rất lớn bởi điều kiện tự nhiên, trong đó yếu tố quan trọng nhất là: điều kiện đất đai, điều kiện khí hậu, nguồn nước... Tuy nhiên yếu tố mang tính quyết định cho sản xuất nông nghiệp đó là điều kiện khí hậu. Ngoài đất đai và khí hậu, nguồn nước cũng cần đóng vai trò rất quan trọng, nhất là trong lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt là trồng lúa.

1.3.2. Nhân tố điều kiện xã hội: Nhân tố điều kiện xã hội có ảnh hưởng đến sản xuất và phát triển nông nghiệp có thể xem các yếu tố quan trọng có liên quan như dân tộc, dân số, truyền thống, dân trí; Dân cư và nguồn lao động; Các quan hệ sở hữu ruộng đất.

1.3.3. Nhân tố thuộc về điều kiện kinh tế:

- Thứ nhất là thị trường: Thị trường nông sản; Giá cả nông sản tùy thuộc vào việc cung – cầu hàng hóa.

- Thứ hai là các chính sách nông nghiệp: Chính sách ruộng đất; Chính sách đầu tư từ vốn ngân sách cho phát triển nông nghiệp; chính sách tín dụng; Chính sách giá cả trong nông nghiệp; Chính sách xuất khẩu nông sản ; Chính sách khuyến nông; Chính sách đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn .

- Thứ ba là phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

1.3.4. Nhân tố thuộc về điều kiện kỹ thuật: Trong thời đại ngày nay, các nhân tố thuộc về điều kiện kỹ thuật có vai trò ngày càng quan trọng, đó là những tiến bộ trong khâu sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, hệ thống qui trình kỹ thuật tiên tiến; sự phát triển của qui trình công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỂU CẦN

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA HUYỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Huyện Tiểu Cần có địa hình tương đối bằng phẳng, nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều biển Đông thông qua sông Hậu. Đây là lợi thế giúp cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản phát triển.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Trên địa bàn huyện dân tộc Kinh chiếm khoảng 68%, Khmer chiếm khoảng 31% và dân tộc khác chiếm 1%. Dân số trung bình khoảng 110.00 người, với mật độ dân số khoảng 505 người/km², có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên khoảng 12%. Huyện có lợi thế và tiềm năng về nguồn lao động cần phải khai thác, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển, lực lượng lao động tăng nhanh hơn, góp phần làm cho nguồn cung lao động dồi dào.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế của huyện Tiểu Cần

b. Cơ cấu kinh tế của huyện Tiểu Cần: Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2008 chiếm tỷ lệ: 54%; Thương mại, dịch vụ chiếm: 23% và Công nghiệp, xây dựng chiếm: 23%. Những năm tiếp sau đó nông - lâm - thủy sản và thương mại dịch vụ có xu hướng giảm, nhường chỗ cho công nghiệp phát triển. Đến năm 2013 giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ: 33%; Thương mại, dịch vụ chiếm: 15% và Công nghiệp, xây dựng chiếm: 52%.

c. Thị trường các yếu tố đầu vào và tiêu thụ nông sản: Đối với thị trường đầu vào, các doanh nghiệp quốc doanh trong nước sản xuất đã được nâng lên, nhưng giá thành sản xuất còn cao, chưa đủ sức cạnh tranh với hàng nhập khẩu; Đối với thị trường đầu ra, giá bán nông sản không ổn định, thị trường tiêu thụ nông sản càng trở nên bất bình.

d. Tính hình thực hiện các chính sách về nông nghiệp: Chính sách đất đai; Chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; Chính sách chuyển giao khoa học, công nghệ cho nông nghiệp; Chính sách đầu tư huy động vốn.

e. Đặc điểm cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng gồm đường bộ, đường thủy, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, nước, ... chưa đáp ứng đầy đủ, đồng bộ cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng và áp dụng cơ giới hóa nông nghiệp.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỂU CÀN

2.2.1. Biến động số lượng cơ sở sản xuất trong nông nghiệp

a. Kinh tế trang trại: Hình thức kinh tế trang trại chỉ tồn tại từ năm 2008-2010, được xây dựng theo dự án đầu tư của tỉnh. Do làm ăn không có hiệu quả, dự án kết thúc nên những năm sau đó chỉ có hình thức nông trại của hộ nông dân (hay còn gọi là gia trại).

b. Hợp tác xã: Số lượng hợp tác xã trong nông nghiệp có 15 hợp tác xã nông nghiệp, nhưng có dấu hiệu giảm xuống do làm ăn kém hiệu quả.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

a. Trong cơ cấu nông – lâm – thủy sản: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của huyện trong thời gian qua đã có những

thành công nhất định. Tình hình chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản của huyện Tiểu Cần có xu hướng tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thủy sản và lâm nghiệp.

b. Trong cơ cấu nông nghiệp: Huyện phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng giá trị kinh tế ngành chăn nuôi và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Trong cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện Tiểu Cần thì trồng trọt chiếm tỷ lệ cao nhưng đang có xu hướng giảm dần, ngành chăn nuôi tăng tương đối, dịch vụ nông nghiệp tăng. Đến năm 2013 dịch vụ nông nghiệp tiếp tục tăng, riêng ngành chăn nuôi lại giảm nhẹ và ngành trồng trọt tăng trở lại. Do đó cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa thật sự có hiệu quả.

2.2.3. Gia tăng các nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp

a. Đất đai: Theo kế hoạch thì diện tích đất nông nghiệp sẽ giảm dần và tăng quy hoạch cho đất phi nông nghiệp. Do đó đến năm 2013 diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 19.665 ha (giảm 115 ha so với năm 2008), chiếm 86,73% trong tổng diện tích đất tự nhiên của huyện.

b. Lao động: Lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 60% so với tổng số lao động toàn huyện. Dự báo số lượng lao động tham gia vào các ngành kinh tế tăng bình quân 5,35%; chất lượng lao động cũng được cải thiện đáng kể nhờ mục tiêu phân đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ dưới 30% năm 2010 lên 45% năm 2015 và lên 60% năm 2020.

c. Vốn đầu tư: Vốn đầu tư cho nông nghiệp hàng năm còn thấp, chủ yếu đầu tư vào các công trình thủy lợi, giao thông. Các nguồn vốn chủ yếu là đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn huy động từ doanh nghiệp và trong dân cư.

2.2.4. Tình hình liên kết trong nông nghiệp: Trong nông nghiệp ở huyện Tiểu Cần các doanh nghiệp liên kết với hộ nông dân trong lĩnh vực trồng trọt. Thế nhưng, thực tế các mô hình liên kết, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp của các doanh nghiệp đối với nông hộ vẫn còn thiếu sự chặt chẽ. Vì thế hiện nay việc lựa chọn, định hướng, khuyến khích áp dụng mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp giữa doanh nghiệp và nông dân đóng vai trò hết sức quan trọng và cần thiết để phát triển nông nghiệp hiện đại.

2.2.5. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp: Tình hình thâm canh trong nông nghiệp đã từng bước cải thiện do: Đa dạng các loại cây trồng, thâm canh tăng vụ; Trong sản xuất nông dân đã áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, sử dụng các giống có năng suất, chất lượng, chống chịu được sự biến đổi khí hậu nên năng suất không ngừng gia tăng. Cụ thể về năng suất cây trồng nhóm cây lương thực như năng suất lúa so với năm 2008, năm 2013 cao gấp 1,14 lần; năng suất ngô cao 1,137 lần. Đối với nhóm cây ăn trái, năng suất cây xoài cao gấp 1,03 lần. Các loại rau, các loại đậu năng suất cũng tăng 1,3 lần.

2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp những năm qua

Giá trị sản xuất nông nghiệp (tính theo giá cố định năm 1994) năm 2013 là 663.420 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008 - 2013 đạt 0.74%/năm.

a. Trồng trọt: Trồng trọt là ngành thế mạnh của huyện Tiểu Cần. Năm 2013 giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt: 506,377 tỷ đồng.

b.Chăn nuôi: Năm 2013 theo giá so sánh năm 1994 đạt 118.372 triệu đồng, tăng 50.586 triệu đồng so với năm 2008. Trong đó, giá trị sản xuất của gia súc, sản phẩm phụ chưa qua giết thịt, sản phẩm phụ chăn nuôi tăng nhanh, riêng giá trị sản xuất của gia cầm giảm đáng kể.

c.Thực trạng đóng góp của ngành nông nghiệp đối với nền kinh tế huyện: Nông nghiệp là ngành sản xuất chính trong nền kinh tế của huyện Tiểu Cần thời gian qua, giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất cơ cấu tổng giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản. Tỉ trọng ngành nông nghiệp tăng liên tục qua các năm, tăng tỉ trọng từ 81,22% năm 2008 lên 88,7% năm 2013.

d. Thực trạng đời sống của nông dân huyện Tiểu Cần

2.3. CÁC YẾU KÉM TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỂU CẦN VÀ NGUYÊN NHÂN

2.3.1 Những mặt hạn chế yếu kém trong sản xuất nông nghiệp

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm, trọng về số lượng, quy mô. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, chăn nuôi còn chiếm tỉ trọng thấp so với trồng trọt.

- Các loại hình kinh tế tập thể, trang trại, nhất là mô hình tổ hợp tác trong nông thôn chưa được quan tâm đúng mức.

- Sản phẩm nông sản được sản xuất nhưng chưa có cơ sở chế biến, đóng gói tại chỗ nên bán ở mức giá thấp, do đó lợi nhuận chưa cao.

- Công tác sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chưa được đầu tư đúng mức.

- Trình độ sản xuất nông nghiệp còn hạn chế nên chưa phát huy được tối đa ưu thế của cây trồng, vật nuôi.

2.3.2 Nguyên nhân của những hạn chế

- Do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến bất thường làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng của nông sản.

- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi,...

- Chưa có sự liên kết trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ.

- Cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp còn thiếu, giống vật nuôi, cây trồng bố trí chưa phù hợp.

- Công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cấp chưa sâu sát. Cán bộ nông nghiệp còn thiếu và yếu về trình độ chuyên môn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIỂU CẦN

3.1. CƠ SỞ CHO VIỆC XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Các yếu tố môi trường nông nghiệp của huyện Tiểu Cần:

a. Môi trường tự nhiên: Nhìn chung điều kiện tự nhiên trên địa bàn huyện ít có sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên cần có sự chú ý về sự thay đổi sự xâm nhập mặn do điều kiện nhân tạo tác động qua hệ thống đê bao và cống đập làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trên toàn huyện, làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất so với định hướng quy hoạch trước đây.

b. Môi trường kinh tế: Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Giá trị gia tăng bình quân đầu người theo giá thực tế tăng liên tục qua các năm. Nhìn chung các chỉ tiêu về tăng trưởng về cơ cấu kinh tế đều đạt so với mục tiêu đã đề ra. Thị trường hàng hóa và dịch vụ tăng trưởng nhanh, đáp ứng tốt nhu cầu thu mua sản phẩm nông nghiệp, cung ứng vật tư dịch vụ cho sản xuất và tiêu dùng của dân cư.

c. Môi trường xã hội: Lực lượng lao động tham gia vào các ngành kinh tế tăng, chất lượng lao động cũng được cải thiện do được đào tạo, đáp ứng được yêu cầu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

3.1.2. Định hướng, chiến lược phát triển kinh tế của huyện Tiểu Cần:

a. Về kinh tế: Tiếp tục đổi mới và tạo đột phá để phát triển bền vững kinh tế với tốc độ nhanh nhất; Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, nhất là nông nghiệp, nông thôn theo định hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa.

b. Về nông nghiệp

- *Trồng trọt:* Ổn định diện tích đất trồng lúa, hạn chế chuyển đất trồng lúa ba vụ có năng suất cao chuyển sang các mục đích khác; Diện tích trồng mía đến 2015 là 1.500 ha và ổn định đến năm 2020; Đầu tư thâm canh tăng năng suất cây dứa đến 2015 là 2.770 ha và ổn định đến năm 2020; kết hợp trồng cây cacao xen với cây dứa để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- *Về chăn nuôi:* Ưu tiên phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh thú y và an toàn vệ sinh thực phẩm. Khuyến khích áp dụng mô hình chăn nuôi tốt, hiệu quả cao như VietGAP, chăn nuôi an toàn sinh học... Giá trị sản xuất chăn nuôi tăng bình quân hàng năm 8% giai đoạn 2011-2015 và 7% giai đoạn 2016-2020.

3.1.3. Mục tiêu phát triển nông nghiệp trong thời gian tới:

a. Cơ sở để định hướng mục tiêu phát triển

Qua phân tích các đặc điểm kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển nông nghiệp trong thời gian qua, những tiềm năng nguồn lực của huyện để làm cơ sở định hướng mục tiêu phát triển trong thời gian tới.

b. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ổn định, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, tăng tính cạnh tranh và đảm bảo môi trường sinh thái hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững. Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, với công nghệ chế biến và dịch vụ nông thôn.

c. Mục tiêu cụ thể

- *Về kinh tế:* Tăng trưởng kinh tế khoảng 14% thời kỳ 2011 - 2015 và 15,5% thời kỳ 2016-2020. Tính cho cả thời kỳ 10 năm 2011 - 2020 là 14,7%/năm; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Đến năm 2015 cơ cấu giá trị gia tăng của các ngành như sau: khu vực I (khu vực nông - lâm - thủy sản) là 30,8%, khu vực II (khu vực công nghiệp - xây dựng) là 28%, khu vực III (khu vực dịch vụ) 41,2%, đến năm 2020 tương ứng là 22% - 34% - 44%; Giá trị gia tăng bình quân đầu người (tính theo giá thực tế) năm 2015 là 23 triệu đồng và năm 2020 là 66 triệu đồng.

- *Về xã hội:* Dân số của huyện vào năm 2015 là 1,031 triệu người và năm 2020 là 1,056 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,17% năm 2015 và 1,07% năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm khoảng 2-3%; Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 45% năm 2015 và trên 55% vào năm 2020; giảm tỷ lệ lao động trong nông thôn đến năm 2015 là 60% và năm 2020 là 50%; Đảm bảo ít nhất 98% số hộ có điện sử dụng vào năm 2015 và đạt 99% vào năm 2020. Tỷ lệ đô thị hóa 26% vào năm 2015 và 30% vào năm 2020.

- *Về bảo vệ môi trường:* Phát triển nông nghiệp nông thôn gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi

trường nhân tạo và môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Dự kiến đến năm 2015, tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 97%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 95%; chất thải rắn y tế được xử lý đạt 95%; tỷ lệ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường đạt 90%. Vào năm 2020 các tỷ lệ trên lần lượt là 98%, 99%, 98%, 98% và 95%.

d. Các chỉ tiêu kinh tế theo từng giai đoạn

- *Giai đoạn 2011- 2015*: Tốc độ tăng trưởng bình quân:14,00%;Tỷ trọng cơ cấu ngành nghề đến năm 2015:ngành nông nghiệp: 30,08 %, ngành công nghiệp - xây dựng:28,00 %, ngành thương mại- dịch vụ: 41,20 % . Giá trị gia tăng bình quân đầu người đạt 23 triệu đồng vào năm 2015; Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2015 là 30 tỷ.

- *Giai đoạn 2016-2020*: Tốc độ tăng trưởng bình quân:15,50%; Tỷ trọng cơ cấu ngành nghề đến năm 2020: ngành nông nghiệp: 22,00 %, ngành công nghiệp - xây dựng: 34,00 %,ngành thương mại - dịch vụ: 44,00 %.; Giá trị gia tăng bình quân đầu người đạt 66 triệu đồng vào năm 2020; Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 60 tỷ.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

3.2.1. Phát triển các cơ sở sản xuất

a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ

Khuyến khích các hộ nông dân chưa đủ điều kiện liên kết với nhau để tăng quy mô sản xuất, trao đổi kinh nghiệm; hoặc hộ có diện tích đất quá nhỏ, ít vốn sản xuất chuyển sang các nghề phi nông nghiệp.

Khuyến khích các hộ có vốn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, khả năng kinh doanh phát triển chuyên sâu phù hợp với ngành nghề của từng

địa phương của huyện; nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp cho hộ nông dân về cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, trình độ,...

b. Phát triển các tổ hợp tác: Tổ hợp tác đóng góp rất quan trọng vào việc kết nối những hộ sản xuất nhỏ manh mún thành tổ sản xuất, là cơ sở hình thành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ... nhằm tiếp cận thị trường đầu vào, đầu ra, tăng vốn sản xuất, giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh.

c. Phát triển kinh tế trang trại: Phần lớn các trang trại trên địa bàn huyện Tiểu Cần là trang trại chăn nuôi với quy mô nhỏ vì thế cần có giải pháp nhằm nâng cao năng lực phát triển kinh tế trang trại: Quy hoạch vùng sản xuất cho phù hợp với lợi thế của huyện; Thực hiện tốt chính sách thuế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn.

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Để quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp đúng mục tiêu, cần phải khai thác và phát huy tốt các tiềm năng thế mạnh của vùng; - Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế; Trong tổ chức thực hiện quy hoạch hạn chế thấp nhất việc chuyển diện tích trồng cây lúa nước sang đất phi nông nghiệp khi chưa thật cần thiết.

3.2.3. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Về đất đai: Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất nông nghiệp; Quy hoạch chi tiết sử dụng đất kết hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, bố trí cây trồng phù hợp đến từng thửa đất; Bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất trồng lúa theo chủ trương của Nhà nước.

b. Về lao động trong nông nghiệp: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật về sản xuất nông sản cho nông

dân. Đẩy mạnh đào tạo ngành nghề nông thôn thông qua các lớp khuyến nông; Tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, trí thức, công nhân lành nghề về nông thôn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp.

c. Nguồn vốn trong nông nghiệp: Tăng cường vốn đầu tư từ ngân sách cho nông nghiệp và nông thôn; Có chính sách khuyến khích huy động vốn trong dân, vốn của các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp; Cần có chính sách nông nghiệp để thu hút các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài một cách mạnh mẽ hơn; Thu hút nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư, các thành phần kinh tế vào phát triển sản xuất.

d. Áp dụng các tiến bộ khoa học: Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả và nhân rộng sản xuất ở những vùng có điều kiện phù hợp; Tăng cường tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý; Phải xóa bỏ tập quán sản xuất không hiệu quả.

e. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp: Đầu tư cho khoa học kỹ thuật là phương hướng đầu tư sớm đem lại hiệu quả nhất trong trồng trọt và chăn nuôi. Gồm các nội dung sau: Thủy lợi hóa nông nghiệp; Cơ giới hoá nông nghiệp; Điện khí hoá nông nghiệp; Hoá học hoá nông nghiệp: Sinh học hoá nông nghiệp.

3.2.4. Lựa chọn mô hình liên kết kinh tế phù hợp

a. Mô hình liên kết Bốn nhà: Nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, Nhà nước.

b. Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, ngân hàng, các hộ nông dân: Người sản xuất được cho vay vốn đầu tư khi có hợp đồng

gia công vì bảo đảm được đầu ra. Doanh nghiệp thực hiện đầu tư một phần vốn sản xuất dưới dạng phân bón, thức ăn gia súc, con giống, hỗ trợ kỹ thuật. Doanh nghiệp có vùng nguyên liệu gia công, bảo đảm ổn định nguyên liệu chế biến, ổn định giá, ít lệ thuộc vào biến động thị trường. Người sản xuất cung cấp sản phẩm theo hợp đồng theo mức giá thỏa thuận và giảm rủi ro về thị trường tiêu thụ, ổn định thị trường và giá bán.

c. Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với trang trại, ngân hàng: Đối với mô hình liên kết này thì doanh nghiệp hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ, cây và con giống và thức ăn theo định mức cho trang trại. Trang trại trực tiếp sản xuất và cung cấp sản phẩm đầu ra cho doanh nghiệp, doanh nghiệp đảm bảo bao tiêu sản phẩm và giá cả ổn định. Ngân hàng hỗ trợ vốn cho chủ trang trại và mô hình này trong thực tế thường áp dụng phổ biến ở ngành chăn nuôi.

d. Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã: Thỏa thuận giữa hợp tác xã ký kết với doanh nghiệp, doanh nghiệp cung ứng giống và hướng dẫn kỹ thuật, quy trình sản xuất... cho xã viên của hợp tác xã. Khi thu hoạch, doanh nghiệp trực tiếp bao tiêu sản phẩm với giá theo hợp đồng đã thỏa thuận, từ đó sản lượng đầu ra của hợp tác xã ổn định.

3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp:

Phát huy những lợi thế về đất canh tác của địa phương. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Tiếp tục nhân rộng các mô hình trong chăn nuôi, trồng trọt đạt hiệu quả. Đưa giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất đạt năng suất cao đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Thực hiện gieo trồng đúng lịch thời vụ.

3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất

a. Lĩnh vực trồng trọt: Trong lĩnh vực trồng trọt cần sử dụng giống mới, áp dụng quy trình sản xuất mới phù hợp với các đặc điểm về tự nhiên; Phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung; Chú trọng mở rộng diện tích cùng với nâng cao năng suất, chất lượng cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày; Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình trọng điểm về phát triển trồng trọt.

b. Lĩnh vực chăn nuôi: Trong lĩnh vực chăn nuôi Phát triển theo hướng tập trung, theo quy mô trang trại chuyên nghiệp, an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, đầu tư các giống chủ lực để phục vụ nhu cầu tại chỗ; Mục tiêu giá trị sản xuất chăn nuôi tăng bình quân hàng năm 8% giai đoạn năm 2010-2015 và 7% giai đoạn 2016-2020.

3.2.7. Các giải pháp khác

a. Giải pháp thị trường: Thị trường đầu vào: Thị trường đầu vào bao gồm thị trường tư liệu lao động, thị trường vốn, thị trường vật tư phục vụ nông nghiệp, thị trường sức lao động; Thị trường đầu ra: Thị trường đầu ra hay còn gọi là thị trường tiêu thụ nông sản phẩm giữ vai trò quyết định đối với thị trường đầu vào, đối với sự tăng trưởng và phát triển nông nghiệp

b. Giải pháp về một số chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp: Chính sách đất đai, Chính sách thuế, Chính sách tín dụng, Chính sách phát triển nguồn nhân lực, Chính sách trợ giá nông sản hợp lý, Chính sách bao tiêu sản phẩm.

3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kết luận

Sau khi phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp của huyện trong 5 năm qua, đánh giá được nhờ dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, sử dụng các giống có năng suất, chất lượng nên năng suất không ngừng gia tăng.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng dần qua các năm, năm 2013 đạt 663.420 triệu đồng tăng 122.930 triệu đồng so với năm 2008. Trong sản xuất nông nghiệp, trồng trọt là ngành có tỷ trọng cao nhất, chiếm 65,69%. Tỷ trọng ngành chăn nuôi có xu hướng tăng và trở thành ngành chiếm cơ cấu lớn, trồng trọt tuy vẫn chiếm tỷ lệ cao nhưng có xu hướng ngày càng giảm, dịch vụ phục vụ trồng trọt và chăn nuôi chiếm tỷ lệ thấp, nhưng giá trị vẫn gia tăng qua các năm.

- Cây lương thực vẫn đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống cây trồng của huyện Tiểu Cần. Trong giai đoạn vừa qua, diện tích cây lương thực có xu hướng giảm, nhưng năng suất vẫn tăng đều qua các năm.

- Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp lại do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Để phát triển nông nghiệp huyện cũng đã thực hiện nhiều giải pháp như: nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học trong canh tác.

Dựa trên thực trạng phát triển nông nghiệp huyện, để nền nông nghiệp tiếp tục phát triển luận văn đề xuất một số giải pháp sau: Phát triển các cơ sở sản xuất; Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp; Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp; Lựa chọn mô hình liên kết kinh tế phù hợp; Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp; Gia tăng kết quả sản xuất; Giải pháp thị trường; Giải pháp về một số chính

sách liên quan đến phát triển nông nghiệp.

Nhằm xây dựng nông nghiệp huyện phát triển cần đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ khoa học vào sản xuất. Phát triển sản xuất gắn với công nghiệp chế biến và mở rộng thị trường nông sản. Mỗi liên kết trong mô hình liên kết 4 nhà phải chặt chẽ và chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

3.3.2. Kiến nghị:

Để thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp đã đề ra theo hướng phát triển nhanh và bền vững, tận dụng các tiềm năng, thế mạnh của huyện trong bối cảnh hội nhập cần kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền, các ban ngành có liên quan như:

a. Cấp huyện: Cần duy trì và phát huy khả năng hơn nữa mối liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức hợp tác sản xuất nông nghiệp bền vững có sự hỗ trợ của Nhà nước; Sắp xếp, bố trí cơ cấu cây trồng vật nuôi cho phù hợp với lợi thế của từng vùng.

b. Cấp tỉnh

- Cần thúc đẩy các dự án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp theo đúng tiến độ đã đề ra.

- Hỗ trợ huyện trong phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho người lao động nông thôn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nông nghiệp cấp xã.

- Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ về tổ chức, tài chính, khoa học kỹ thuật công nghệ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và quyết tâm phải thực hiện chính sách với một quyết tâm cao thì phát triển nông nghiệp nông thôn của huyện mới đạt được mục tiêu đã đề ra.